Chi tiết mã HS 9606.30.90

Mã HS	9606.30.90
Mô tả hàng hóa	Khuy, khuy dập, khuy bấm và khuy tán bấm, lõi khuy (loại khuy bọc) và các bộ phận khác của các mặt hàng này; khuy chưa hoàn chỉnh (button blank) / - Lõi khuy và các bộ phận khác của khuy; khuy chưa hoàn chỉnh: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 07:22:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/96063090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18892
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18892
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18892
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18154
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18083
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18083
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18083
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18083
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18083
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18083
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E18139
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18139

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18139
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18139
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18139
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18139
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18140
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18140
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18140
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18140
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18140
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18140
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18145
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18102
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18097
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18097
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18097
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18097
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18097
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18097
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18145
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18145
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18145
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18145
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18145
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18145
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18209
VCFTA	2023	2023	2	VC!E18209

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18209
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18209
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18209
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18209
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18183
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18183
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18183
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18183
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18183
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18183
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D18176
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E18176
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F18176
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G18176
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H18176
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18176
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D18206
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18206
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18206
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18206
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18206
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18206
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D18205
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18205
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18205
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18205

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18205
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18205
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18299
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18299
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18299
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18299
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18299
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18299
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18299
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18170
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18170
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18170
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18170
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18170
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18170
RCEP B	2022	2022	0	B!D18170
RCEP B	2023	2023	0	B!E18170
RCEP B	2024	2024	0	B!F18170
RCEP B	2025	2025	0	B!G18170
RCEP B	2026	2026	0	B!H18170
RCEP B	2027	2027	0	B!I18170
RCEP C	2022	2022	0	C!D18168
RCEP C	2023	2023	0	C!E18168
RCEP C	2024	2024	0	C!F18168
RCEP C	2025	2025	0	C!G18168
RCEP C	2026	2026	0	C!H18168

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I18168
RCEP D	2022	2022	0	D!D18167
RCEP D	2023	2023	0	D!E18167
RCEP D	2024	2024	0	D!F18167
RCEP D	2025	2025	0	D!G18167
RCEP D	2026	2026	0	D!H18167
RCEP D	2027	2027	0	D!I18167
RCEP E	2022	2022	0	E!D18172
RCEP E	2023	2023	0	E!E18172
RCEP E	2024	2024	0	E!F18172
RCEP E	2025	2025	0	E!G18172
RCEP E	2026	2026	0	E!H18172
RCEP E	2027	2027	0	E!I18172
RCEP F	2022	2022	0	F!D18170
RCEP F	2023	2023	0	F!E18170
RCEP F	2024	2024	0	F!F18170
RCEP F	2025	2025	0	F!G18170
RCEP F	2026	2026	0	F!H18170
RCEP F	2027	2027	0	F!I18170
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F17034
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G17034
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H17034
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I17034

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9606.30 có 2 dòng thuế; dòng 9606.30.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9606.30.10 Bằng plastic	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9606.30.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9606.30.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18892), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.